

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ- ST

Ngày 27/04/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Ông Ngô rô Be

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2021 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh **Lâm Thái H**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P h, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày: tôi và anh Lâm Thái H chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Trước khi chung sống, tôi và anh H có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn là do anh H nhậu nhẹt bê tha, không lo làm ăn, không chăm lo vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tôi có khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, hiện nay tôi và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 05 năm 2019 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003.

2/ Cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009

Các cháu hiện đang chung sống với chồng tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Lâm Thái H.

Về quan hệ con chung: Tôi yêu cầu được nuôi cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003 và cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

* **Bị đơn anh Lâm Thái H trình bày:** tôi và cô Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng hay cự cãi.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003.

2/ Cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009.

Các cháu hiện đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Tòa án anh H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị L.

Về quan hệ con chung: tôi đồng ý giao 02 con cho vợ nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Thái H là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị

L và anh H chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị L và anh H chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là vợ chồng là có cơ sở.

[2] **Về quan hệ con chung:** Chị L yêu cầu được nhận nuôi dưỡng 02 con là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003 và cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy giao cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003 và cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Tại phiên tòa hôm nay thì anh H cũng đồng ý giao cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003 và cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009 cho chị L trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Mặt khác do cháu N hiện nay 17 tuổi và cháu N 11 tuổi, nguyện vọng của cháu N và cháu N là khi cha mẹ cháu ly hôn thì hai cháu sẽ sống với mẹ, anh H không cấp dưỡng nuôi 02 con. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** do chị L và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008280 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Thái H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Thái H. Giao cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 06/10/2003 và cháu Lâm Hải N, sinh ngày 07/09/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008280 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Thái H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật